TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 217/2018/QĐST-HNGĐ	*Quận 7, ngày 05 tháng 4 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 20/2018/TLST – HNGĐ ngày 10/01/2018 về việc "Ly hôn" giữa:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị D, sinh năm 1964; địa chỉ: Đường L, tổ T, khu phố M, phường K, quận B, Tp. HCM; tạm trú: Chung cư T, phường M, quận B, Tp. HCM.

Bị đơn: Ông Nguyễn Tùng D1, sinh năm 1961; địa chỉ: Đường L, tổ T, khu phố M, phường K, quận B, Tp. HCM; tạm trú: Chung cư T, phường M, quận B, Tp. HCM.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 54, 55, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28/3/2018,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28/3/2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Bà Đỗ Thị D, sinh năm 1964; địa chỉ: Đường L, tổ T, khu phố M, phường K, quận B, Tp. HCM; tạm trú: Chung cư T, phường M, quận B, Tp. HCM.

- Ông Nguyễn Tùng D1, sinh năm 1961; địa chỉ: Đường L, tổ T, khu phố M, phường K, quận B, Tp. HCM; tạm trú: Chung cư T, phường M, quận B, Tp. HCM.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị D và Ông Nguyễn Tùng D1 thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 60, Quyển số 01-92 ngày 28/8/1992 do UBND phường P, thành phố Đ, tỉnh Nam Hà cấp).

2.2. Về quan hệ con chung: Bà Đỗ Thị D và Ông Nguyễn Tùng D1 có 02 người con chung, họ tên là Nguyễn Tiến D2, sinh ngày 17/02/1990 (đã trưởng thành) và Nguyễn Đỗ Yến N, sinh ngày 06/6/1996 (đã trưởng thành).

2.3. Về tài sản chung: Bà Đỗ Thị D và Ông Nguyễn Tùng D1 không có tài sản chung

2.4. Về nợ chung: Bà Đỗ Thị D và Ông Nguyễn Tùng D1 không có nợ chung.

2.5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đỗ Thị D tự nguyện chịu án phí là 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, theo biên lai thu số 0025003 ngày 10/01/2018 của chi cục Thi hành án dân sự Quận B, Tp. HCM. Hoàn trả cho Bà Đỗ Thị D án phí chênh lệch là 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND Tp. HCM;
- VKSND Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Các đương sự;
- UBND Phường P;
- Lưu: VT, HS (Hoa).

THẨM PHÁN

Lê Thuần Phong